

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/DS-ST
Ngày: 24-7-2023
V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thủy Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đăng Khoa.
2. Bà Phạm Ngọc Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 530/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2022 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng 2, Tòa nhà A P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Hàn Ngọc V - chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền số 27869.20 ngày 04/01/2021): bà Trần Thị Thu H - chức vụ: Giám đốc trung tâm quản lý nợ ngân hàng bán lẻ - A.

Ủy quyền lại cho:

- 1.1. Ông Võ Văn T - chức vụ: Cán bộ ngân hàng A.
- 1.2. Ông Phạm Tiến Ngh - chức vụ: Cán bộ ngân hàng A.
- 1.3. Ông Trương Việt Hoàng V - chức vụ: Cán bộ ngân hàng A.

Cùng địa chỉ: Tầng B, Tòa nhà P, Số C U, Phường AA, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1984;

2.2. Bà Trần Đăng Thanh T, sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

(Ông Ngh có mặt; ông C, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/9/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Phạm Tiến Ngh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:

Ngân hàng A (viết tắt là A) và vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Trần Đăng Thanh T đã ký kết hợp đồng tín dụng số 9518680.20 ngày 16/12/2020, đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 9518680(1).20 ngày 17/12/2020 với nội dung A cho vay số tiền 437.000.000 đồng. Mục đích vay vốn: thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Xpander, thời hạn vay từ ngày 18/12/2020 đến 17/12/2028; Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 8,9%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + biên độ 3.5%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của A tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4.1%/năm; Hoàn trả khoản vay gốc: Hàng tháng vào ngày 15, mỗi tháng trả 4.555.000 đồng, tháng cuối cùng trả 4.275.000 đồng. Kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 15/01/2021. Hoàn trả lãi: hàng tháng vào ngày 15; Trả phí: theo quy định của A từng thời kỳ; Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

A đã giải ngân cho ông Nguyễn Văn C và bà Trần Đăng Thanh T theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 9518680(1).20 ngày 17/12/2020 với số tiền 437.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Văn C và bà Trần Đăng Thanh T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Cụ thể, ông C và bà T chỉ thanh toán cho A đến tháng 5/2021 với số tiền 38.593.715 đồng (trong đó gốc là 22.775.000 đồng và lãi 15.818.715 đồng) rồi ngưng không thanh toán đến nay. A bắt đầu tính lãi quá hạn kể từ ngày 15/7/2021.

Tính đến ngày 24/7/2023, vợ chồng ông C, bà T còn nợ A số tiền nợ gốc là 414.225.000 đồng, nợ lãi là 157.073.669 đồng (trong đó lãi trong hạn là 5.966.092 đồng, lãi quá hạn là 151.107.578 đồng). Tổng cộng số tiền gốc và lãi là 571.298.669 đồng.

Tại buổi hòa giải tại Trung tâm Hòa giải và đối thoại tại Tòa án thì ông C có trao đổi về việc giao xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Xpander để A thanh lý thu hồi vốn nhưng với điều kiện là A nhận xe và sẽ xóa toàn bộ khoản nợ. Điều kiện này

không được A chấp nhận và ông C cũng không thực hiện việc giao xe. Do đó, hòa giải tại Trung tâm Hòa giải và đối thoại tại Tòa án không thành.

Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn C và bà Trần Đăng Thanh T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng A số tiền nợ gốc và lãi suất tính đến ngày 24/7/2023 như sau: Nợ gốc là 414.225.000 đồng, nợ lãi là 157.073.669 đồng (trong đó lãi trong hạn là 5.966.092 đồng, lãi quá hạn là 151.107.578 đồng). Tổng cộng số tiền gốc và lãi là 571.298.669 đồng, yêu cầu trả 01 lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, A yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi ông C, bà T thanh toán xong nợ.

Ngân hàng A không yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Xpander, số khung MK2LNNC1WLN002462, số máy 4A91HT2241, biển kiểm soát 62A-213.80 để đảm bảo thi hành án.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ông Nguyễn Văn C và bà Trần Đăng Thanh T là vợ chồng. Ông C xác nhận vợ chồng ông có ký kết với Ngân hàng A hợp đồng tín dụng số 9518680.20 ngày 16/12/2020, đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 9518680(1).20 ngày 17/12/2020 với nội dung A cho vay số tiền 437.000.000 đồng. Mục đích vay vốn: thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Xpander, thời hạn vay từ ngày 18/02/2020 đến 17/02/2028; Lãi suất vay: lãi suất vay tại thời điểm giải ngân: 8,9%/năm. Lãi suất sẽ được điều chỉnh 3 tháng 1 lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 4.1%/năm. Thời gian hoàn trả: hoàn trả tín dụng gốc hàng tháng vào ngày 15, mỗi tháng trả 4.555.000 đồng, tháng cuối cùng trả 4.275.000 đồng.

Ngày 17/12/2020, A đã giải ngân cho vợ chồng ông C, bà T số tiền là 437.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng thì vợ chồng ông C, bà T đã trả cho A tính đến ngày 14/9/2021 với số tiền 38.593.715 đồng, trong đó số tiền gốc là 22.775.000 đồng và số tiền lãi là 15.818.715 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của A, ông C chỉ đồng ý thanh toán cho A số tiền nợ gốc là 414.225.000 đồng. Đối với số tiền lãi thì ông C chỉ đồng ý thanh toán cho A số tiền lãi tính đến ngày 14/9/2021 theo đơn khởi kiện của A là 38.593.715 đồng với lý do khi các bên hòa giải tại Trung tâm Hòa giải và đối thoại tại Tòa án thì ông C đã đồng ý giao xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Xpander cho A xử lý thu hồi nợ nhưng đến nay A vẫn không chịu xử lý nên đây là lỗi của A.

- Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 29/6/2023, bị đơn bà Trần Đăng Thanh T trình bày:

Bà đã nhận được thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 05/5/2023. Tuy nhiên do bận đi làm nên bà T đã không thể tham gia được.

Đối với các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã công bố thì bà đã nhận được và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác cho Tòa án. Bà xác định không có yêu cầu phản tố nào đối với nguyên đơn.

Về nội dung vụ án, bà T trình bày như sau:

Bà T xác nhận, ngày 12/6/2020, vợ chồng bà và Ngân hàng A đã ký kết hợp đồng tín dụng số 9518680.20 với nội dung A cho vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Trần Đăng Thanh T vay số tiền 437.000.000 đồng. Mục đích vay vốn: thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Xpander, thời hạn vay từ ngày 18/02/2020 đến 17/02/2028; Lãi suất vay: lãi suất vay tại thời điểm giải ngân: 8,9%/năm. Lãi suất sẽ được điều chỉnh 3 tháng 1 lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 4.1%/năm. Thời gian hoàn trả tín dụng gốc: hàng tháng vào ngày 15, mỗi tháng trả 4.555.000 đồng, tháng cuối cùng trả 4.275.000 đồng.

Ngân hàng A đã giải ngân cho ông C, bà T số tiền 437.000.000 đồng.

Tính đến ngày 14/9/2021, vợ chồng bà T, ông C đã thanh toán được cho Ngân hàng A với số tiền 38.593.715 đồng (trong đó gốc là 22.775.000 đồng và lãi 15.818.715 đồng).

Tính đến ngày 05/5/2023, vợ chồng ông C, bà T còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc: 414.225.000 đồng, nợ lãi số tiền 155.324.699 đồng (trong đó lãi trong hạn là 21.784.801 đồng, lãi quá hạn 133.539.898 đồng); tổng cộng gốc và lãi số tiền 569.549.699 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà đồng ý thanh toán cho Ngân hàng A theo hợp đồng tín dụng số 9518680.20 ngày 12/6/2020. Tuy nhiên đối với số tiền phải thanh toán thì bà thống nhất hoàn toàn với ý kiến của ông C. Ý kiến của ông C như thế nào thì bà sẽ đồng ý như vậy.

Do bận phải đi làm nên bà T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà T trong suốt quá trình tố tụng và tại Tòa án các cấp.

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về thẩm quyền thụ lý vụ án: đúng quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Quan hệ pháp luật tranh chấp: hợp đồng tín dụng.

+ Xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng: đúng quy định Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc thu thập chứng cứ: Thẩm phán đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo quy định Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc tổng đạt cho các đương sự: đúng quy định.

+ Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng với quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu: đúng quy định.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

2. Về việc giải quyết vụ án: Xét nội dung tranh chấp và các tình tiết của vụ án nhận thấy:

Ngân hàng A có ký hợp đồng tín dụng số 9518680.20 ngày 16/12/2020 với ông Nguyễn Văn C và bà Trần Đăng Thanh T với nội dung cho vay số tiền 437.000.000 đồng với mục đích cho vay để thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Xpander, thời hạn vay từ 18/12/2020 đến 17/12/2028. Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 8,9%/năm lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 4,1%/năm, trả gốc vào ngày 15 hàng tháng mỗi tháng trả 4.555.000 đồng tháng cuối trả 4.275.000 đồng, trả lãi vào ngày 15 hàng tháng bắt đầu từ ngày 15/01/2021, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Ngân hàng đã giải ngân cho ông C và bà T vào ngày 17/12/2020 với số tiền 437.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng ông C và bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Tạm tính đến ngày 14/9/2021 ông C và bà T đã thanh toán cho ngân hàng là 38.593.715 đồng gồm: tiền gốc là 22.775.000 đồng và tiền lãi là 15.818.715 đồng.

Tại đơn khởi kiện: ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C và bà T thanh toán số nợ tạm tính đến ngày 14/9/2021 là 426.521.491 đồng gồm nợ gốc là 414.225.000 đồng và nợ lãi là 12.296.491 đồng. Yêu cầu tiếp tục tính lãi và lãi quá hạn từ ngày 14/9/2021 đến khi ông C, bà T thanh toán xong nợ.

Tại phiên tòa hôm nay ngày 24/7/2023, Ngân hàng yêu cầu phía bị đơn thanh toán số tiền nợ là 571.298.669 đồng trong đó gồm nợ gốc là 414.225.000 đồng và nợ lãi là 157.073.669 đồng. Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi bị đơn thanh toán xong nợ.

Phía bị đơn ông C và bà T thừa nhận có ký kết với Ngân hàng A hợp đồng tín dụng số 9518680.20 với nội dung ngân hàng cho vợ chồng ông vay số tiền 437.000.000 đồng. Đối với yêu cầu của ngân hàng vợ chồng ông bà đồng ý trả số nợ gốc tính đến ngày 05/5/2023 là 414.225.000 đồng. Đối với tiền lãi đồng ý trả cho ngân hàng số tiền 38.593.715 đồng tiền lãi tính đến ngày 14/9/2021.

Từ các tình tiết vụ án nhận thấy tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng số 9518680.20 ngày 16/12/2020 giữa ngân hàng với vợ chồng ông C bà T thì các bên có đủ năng lực giao kết, hợp đồng đảm bảo về mặt hình thức và nội dung nên có hiệu lực. Về nội dung hợp đồng tín dụng và quá trình trả nợ thì phía bị đơn thừa nhận như nội dung mà ngân hàng trình bày, phía bị đơn đồng ý trả số nợ gốc cho ngân hàng tính đến ngày 05/5/2023 là 414.225.000 đồng nên ghi nhận;

Về lãi suất: phía ngân hàng xác định nợ lãi tính đến ngày 24/7/2023 là 157.073.669 đồng (trong đó lãi trong hạn là 5.966.092 đồng và lãi quá hạn là 151.107.578 đồng) là phù hợp với lãi suất trong hợp đồng nên yêu cầu tính lãi của

ngân hàng là có cơ sở chấp nhận, phía bị đơn chỉ đồng ý trả 38.593.715 đồng tiền lãi tính đến ngày 14/9/2021 là vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng nên không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên xét thấy yêu cầu của Ngân hàng A là có cơ sở chấp nhận.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện C: căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự, Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng đề xuất giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A buộc ông Nguyễn Văn C, bà Trần Đăng Thanh T có nghĩa vụ trả cho ngân hàng số tiền còn nợ đến ngày 24/7/2023 là 571.298.669 đồng gồm nợ gốc là 414.225.000 đồng và nợ lãi là 157.073.669 đồng, ông C bà T tiếp tục trả lãi theo hợp đồng đến khi thanh toán xong nợ. Về án phí: bị đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

3. Yêu cầu kiến nghị, khắc phục vi phạm: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp phát sinh giữa Ngân hàng A với ông Nguyễn Văn C, bà Trần Đăng Thanh T thông qua Hợp đồng tín dụng số 9518680.20 ngày 16/12/2020 và Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 9518680(1).20 ngày 17/12/2020 là tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Văn C và bà Trần Đăng Thanh T có nơi cư trú tại xã Tân Trạch, huyện C, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An theo quy định tại Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông Nguyễn Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do; bị đơn bà Trần Đăng Thanh T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vụ án vắng mặt ông C, bà T theo quy định khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Căn cứ vào “Hợp đồng tín dụng số 9518680.20 ngày 16/12/2020; Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 9518680(1).20 ngày 17/12/2020” giữa Ngân hàng A và ông Nguyễn Văn C, bà Trần Đăng Thanh T cùng lời khai của các bên đương sự xác định được vợ chồng ông C, bà T có vay của Ngân hàng A số tiền 437.000.000 đồng. Mục đích vay vốn: thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Xpander, thời hạn vay từ ngày 18/02/2020 đến 17/02/2028; Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 8,9%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + biên độ 3.5%/năm) và chỉ

được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của A tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4.1%/năm; Hoàn trả khoản vay gốc: Hàng tháng vào ngày 15, mỗi tháng trả 4.555.000 đồng, tháng cuối cùng trả 4.275.000 đồng. Kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 15/01/2021. Hoàn trả lãi: Hàng tháng vào ngày 15; Trả phí: theo quy định của A từng thời kỳ; Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng A và vợ chồng ông C, bà T cùng xác nhận vợ chồng ông C, bà T chỉ thanh toán được cho Ngân hàng A số tiền 38.593.715 đồng, trong đó số tiền gốc là 22.775.000 đồng và số tiền lãi là 15.818.715 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng ông C, bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay theo thỏa thuận. Do đó, Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn C và bà Trần Đặng Thanh T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng A số tiền là 571.298.669 đồng. Trong đó: nợ gốc là 414.225.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 5.966.092 đồng; nợ lãi quá hạn là 151.107.578 đồng là có căn cứ chấp nhận theo Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự.

[2.3] Ông Nguyễn Văn C và bà Trần Đặng Thanh T chỉ đồng ý thanh toán tiền lãi đến ngày 14/9/2022 với lý do khi các bên hòa giải tại Trung tâm Hòa giải và đối thoại tại Tòa án thì ông C đã đồng ý giao xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Xpander cho A xử lý thu hồi nợ nhưng đến nay A vẫn không chịu xử lý nên đây là lỗi của A. Hội đồng xét xử xét thấy, việc các bên hòa giải tại Trung tâm Hòa giải và đối thoại tại Tòa án không thành nên Ngân hàng A khởi kiện vợ chồng ông C, bà T tại Tòa án. Do đó, ông C, bà T chỉ đồng ý thanh toán tiền lãi đến ngày 14/9/2022 là không có căn cứ chấp nhận.

[2.4] Về tài sản bảo đảm: Ngân hàng A không yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Xpander, số khung MK2LNNC1WLN002462, số máy 4A91HT2241, biển kiểm soát 62A-213.80 để đảm bảo thi hành án nên HĐXX không đề cập, xem xét đến.

[2.5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Trần Đặng Thanh T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho A. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho A.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 207, 227, 228, 266, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 292, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín

dụng; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Trần Đặng Thanh T.

2. Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Trần Đặng Thanh T có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng A số tiền là 571.298.669 đồng. Trong đó: nợ gốc là 414.225.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 5.966.092 đồng; nợ lãi quá hạn là 151.107.578 đồng.

3. Kể từ ngày 25/7/2023 cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Văn C, bà Trần Đặng Thanh T còn phải liên đới chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 9518680.20 ngày 16/12/2020 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 9518680(1).20 ngày 17/12/2020 cho đến khi thi hành án xong toàn bộ số tiền này.

4. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Trần Đặng Thanh T phải liên đới chịu 26.852.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng A 10.530.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000984 ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

5. Về quyền kháng cáo bản án sơ thẩm: đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thủy Tiên